

píng bà róng qiú hàn zú chuān dài xiān
坪 坝 绒 球 汉 族 穿 戴 鲜

yàn fú zhuāng dǎ bàn xuàn lì duō cǎi
艳 服 装 打 扮 绚 丽 多 彩

xiào yuán jìng ài piāo yáng guó qí jìng
校 园 敬 爱 飘 扬 国 旗 敬

lǐ jiào shì shù zhī zhè xiē hào qí
礼 教 室 树 枝 这 些 好 奇

kǒng què shuāi jiǎo zuò yóu xì zhāo yǐn
孔 雀 摔 跤 做 游 戏 招 引

sōng shǔ rè nao tóng zhōng cū zhuàng
松 鼠 热 闹 铜 钟 粗 壮

fèng wěi yǐng zi jié bái qiáng shàng
凤 尾 影 子 洁 白 墙 上